

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt Đề án số 07/ĐA-UBND ngày 23/6/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về phổ biến, giáo dục pháp luật  
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH  
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002; Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 23/6/2015 về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình phê duyệt Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án số 07/ĐA-UBND ngày 23/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 - 2020 (có Đề án kèm theo).

**Điều 2.** Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XIII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 22/7/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Văn phòng Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện, thành ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình, Công Báo tỉnh;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Thành**

**ĐỀ ÁN**

**Về phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn  
tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 - 2020**

**Phần I**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH ĐỀ ÁN**

**I. Căn cứ pháp lý**

Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/6/2012;

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

**II. Sự cần thiết xây dựng và ban hành Đề án**

Thực hiện Nghị quyết số 22/2009/NQ-HĐND ngày 17/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án số 16/ĐA-UBND ngày 04/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2010-2015 trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là Đề án số 16), công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (sau đây viết tắt là PBGDPL) trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện PBGDPL có chất lượng, hiệu quả. Sự phối hợp của các cấp, các ngành trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường; hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật (sau đây viết tắt là Hội đồng phối hợp) các cấp đã và đang phát huy hiệu quả, huy động được sự tham gia đồng đảo của các cơ quan, đơn vị thực hiện PBGDPL; nguồn nhân lực thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật luôn được kiện toàn, phát triển, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng phổ biến pháp luật đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; nội dung pháp luật tuyên truyền, phổ biến đã bám sát các chủ trương của Đảng trong phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của đông

đào các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh; hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật không ngừng được đổi mới, đa dạng và mang lại hiệu quả thiết thực; nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh được nâng cao một bước; hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật, khiếu kiện đông người, vượt cấp. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã ngày một đi vào thực chất gắn với nhu cầu thiết thực của người dân, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Qua 5 năm thực hiện Đề án số 16 cho thấy các chỉ tiêu của Đề án cơ bản được hoàn thành, trong đó chỉ tiêu về xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật được hoàn thành vượt mức, đã kiện toàn được 100 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh (đạt 100%); 270 báo cáo viên pháp luật cấp huyện (đạt 108%); 800 tuyên truyền viên cấp xã (đạt 130%). Bố trí đầy đủ, đúng chuyên ngành đội ngũ giáo viên giảng dạy môn giáo dục công dân, pháp luật ở các cơ sở giáo dục (đạt 100% so với các chỉ tiêu của Đề án); 100% các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành hoặc mới được sửa đổi, bổ sung được tổ chức tuyên truyền, phổ biến tới các đối tượng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tiễn triển khai thực hiện Đề án vẫn còn bộc lộ một số những khó khăn, vướng mắc đó là: Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác PBGDPL trong tình hình mới; các hình thức PBGDPL chưa phong phú, một số hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả còn thấp, nhiều văn bản pháp luật mới chưa được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân; đội ngũ báo cáo viên thường xuyên biến động, kỹ năng phổ biến pháp luật chưa cao, việc tập huấn, cung cấp tài liệu cho đội ngũ này chưa được thường xuyên...

Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế trên là: Kinh phí Đề án dành cho công tác PBGDPL còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác này, trong khi việc huy động từ đóng góp của các tổ chức và cá nhân không thực hiện được. Một số định mức kinh phí phân bổ cho hoạt động PBGDPL trong Đề án quy định còn cứng nhắc gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện, nhất là trong việc áp dụng các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, không đảm bảo được tính linh hoạt, chủ động trong hoạt động PBGDPL, dẫn đến hiệu quả công tác này không cao.

Từ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xây dựng và ban hành Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 - 2020 để trình Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình phê duyệt là cần thiết vì: Đề án số 16 chỉ được thực hiện đến hết năm 2015, nhưng nhiệm vụ PBGDPL của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể ở địa phương trong những năm tiếp theo ngày càng nặng nề, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/6/2012 quy định: Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm quyết định các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL, phân bổ dự

toán ngân sách địa phương cho PBGDPL và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng, ban hành Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật để thực hiện những nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật. Đặc biệt sau khi Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội thông qua đòi hỏi nhiều Bộ luật, luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác phải được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới phù hợp với Hiến pháp, do vậy công tác PBGDPL cần phải được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, kinh phí để kịp thời truyền tải nội dung các văn bản quy phạm pháp luật đến các nhóm đối tượng chịu sự tác động, điều chỉnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu, áp dụng pháp luật của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh, phục vụ cho công tác phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

## **Phần II**

### **MỤC TIÊU, NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU; GIẢI PHÁP, KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

#### **I. Mục tiêu của Đề án**

##### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao hiệu quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể ở địa phương nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ và nhân dân; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Bảo đảm 100% các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành hoặc các văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung được triển khai tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến các đối tượng chịu sự tác động, điều chỉnh trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật bằng các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp.

b) 100% cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân quốc phòng và người lao động khác trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn được tuyên truyền, phổ biến những quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ do cơ quan, đơn vị mình thực hiện, tạo chuyển biến mới trong việc chấp hành pháp luật và thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

c) Từ 90 - 95% người dân trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật được tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013, pháp luật dân sự, hình sự, kinh tế, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, y tế, giáo dục, quốc phòng, an ninh, giao thông và những quy định khác của pháp luật về

quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, trong đó:

- 100% người sử dụng lao động và 95% người lao động làm việc trong các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế (kể cả người nước ngoài) trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến những quy định của pháp luật liên quan đến ngành, nghề kinh doanh, liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động.

- 100% học sinh, sinh viên các cấp học được học đầy đủ chương trình, nội dung giáo dục pháp luật trong nhà trường đối với từng đối tượng học sinh, sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 95% thanh, thiếu niên thuộc tổ chức đoàn, hội, đội ở địa phương được tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật dành cho thanh, thiếu niên.

- 90% người dân nông thôn, thành thị, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân sống ở ven biển, người dân thuộc nhóm các đối tượng đặc thù theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình.

d) 100% Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh và cấp huyện, cán bộ pháp chế các Sở, ngành, giáo viên dạy môn giáo dục công dân, môn pháp luật trong các nhà trường; 90% Tuyên truyền viên pháp luật, Hòa giải viên ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm, được cung cấp tài liệu phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở.

đ) 100% nhà văn hóa của thôn, tổ dân phố được trang bị tủ sách pháp luật; hằng năm các tủ sách pháp luật được bổ sung đầu sách pháp luật theo quy định.

e) 100% hương ước, quy ước trên địa bàn tỉnh được rà soát, đánh giá phát hiện những mâu thuẫn, chồng chéo, những vấn đề mới phát sinh trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước.

f) 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định về chuẩn tiếp cận của người dân ở cơ sở.

## **II. Nhiệm vụ trọng tâm của Đề án**

### **1. Xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm**

a) Căn cứ Chương trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật công bố công khai hằng năm theo quy định của pháp luật, Hội đồng Phối hợp tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm cho toàn tỉnh để chỉ đạo các Sở, ban, ngành ở tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện.

b) Căn cứ Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm của UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành ở tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã ở địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị mình.

### **2. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật**

a) Kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng phối hợp các cấp, nhất là Hội đồng phối hợp tỉnh.

Trong những năm qua, đại diện các ngành thành viên của Hội đồng phối hợp các cấp thường xuyên có sự biến động do yêu cầu về công tác tổ chức cán bộ hoặc nghỉ chế độ theo quy định..., do vậy hằng năm phải thường xuyên kiện toàn đội ngũ này đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật đề ra. Bên cạnh đó cần xác định trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành thành viên của Hội đồng phối hợp tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

b) Kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động của công chức, viên chức ngành Tư pháp từ tỉnh đến cơ sở để đảm nhận vai trò là cơ quan đầu mối, thường trực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Thường xuyên rà soát, kiện toàn lại đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên cơ sở đảm bảo số lượng, hiệu quả hoạt động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong tình hình mới; tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên cơ sở.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên cơ sở là lực lượng nòng cốt thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, tuy nhiên do đội ngũ này hoạt động kiêm nhiệm và thường xuyên có sự biến động do yêu cầu về công tác tổ chức cán bộ hoặc nghỉ chế độ theo quy định..., do vậy hằng năm phải bổ sung, kiện toàn; bên cạnh đó việc tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ, giới thiệu văn bản pháp luật mới cho đội ngũ này là hết sức cần thiết, đây là việc làm thường xuyên giúp cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên cơ sở tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ để thực hiện nhiệm vụ phổ biến pháp luật tới các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

### **3. Xây dựng đề cương, tài liệu phục vụ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật**

a) Hằng năm, giao cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp tỉnh xây dựng từ 20- 25 đề cương tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực cấp cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.

b) Biên soạn tài liệu phục vụ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Xây dựng đề cương, tài liệu tuyên truyền pháp luật là khâu quan trọng trong việc thực hiện phổ biến pháp luật trực tiếp, việc Hội đồng phối hợp tỉnh ban hành đề cương tuyên truyền pháp luật hằng năm là hết sức cần thiết giúp cho các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật hoàn thành nhiệm vụ được giao; đảm bảo việc tuyên truyền pháp luật thực hiện thống nhất, đúng chủ trương, đường lối, đúng quy định của pháp luật.

### **4. Tổ chức triển khai thực hiện các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn dân cư**

a) Tăng cường tổ chức các hội nghị triển khai, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với các văn bản quy phạm pháp luật cho các đối tượng theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm của UBND các cấp.

Tuyên truyền thông qua hội nghị là hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật truyền thống, được tiến hành thông qua giao tiếp trực tiếp giữa người tuyên truyền với đối tượng tuyên truyền, chủ yếu bằng lời nói trực tiếp, đây là hình thức tuyên truyền thể hiện tính linh hoạt, tiến hành ở nhiều nơi, trong nhiều điều kiện. Trong những năm qua, hình thức này đã được chú trọng triển khai trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên việc tuyên truyền, phổ biến chưa được triển khai toàn diện các quy định của pháp luật đến người dân do khó khăn về kinh phí, vì thế thời gian tới cần chú trọng tăng cường hơn nữa hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật này.

b) Phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó cần tập trung mở chuyên mục phổ biến, giáo dục pháp luật mới, tăng thời lượng các chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật; đảm bảo truyền tải kịp thời, đầy đủ, chính xác quy định của pháp luật. Thời gian, thời lượng phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và hệ thống đài truyền thanh cấp huyện và cơ sở đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Tăng cường PBGDPL trên công thông tin điện tử của tỉnh, của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các cấp.

c) Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật

- Các cấp, các ngành, các đoàn thể xã hội chi đạo, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thi tìm hiểu pháp luật do các cơ quan Trung ương phát động.

- Hằng năm lựa chọn một lĩnh vực pháp luật để tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật với quy mô và hình thức phù hợp.

Thi tìm hiểu pháp luật là hình thức phổ biến pháp luật hấp dẫn và hiệu quả, thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

d) Tuyên truyền PBGDPL thông qua thực hiện Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hằng năm.

đ) Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hình thức trực quan, phát hành các loại tài liệu (sách, tờ gấp, băng, đĩa, panô, áp phích và các ấn phẩm pháp luật khác miễn phí tới người dân). Trong đó, đặc biệt chú ý đến người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn. Đây là hình thức phổ biến pháp luật được áp dụng rộng rãi, gần gũi với người dân.

e) Thực hiện lồng ghép tuyên truyền PBGDPL thông qua hoạt động của các cơ quan, tổ chức.

f) Thực hiện các hình thức tuyên truyền PBGDPL thông qua hoạt động của các tổ chức tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý, hòa giải ở cơ sở, thông qua sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật và các loại hình văn hóa, văn nghệ. Đây là hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả, qua đó các hội viên, người dân giao lưu, học tập, trao đổi kiến thức pháp luật.

## **5. Xây dựng, quản lý, khai thác có hiệu quả tủ sách pháp luật**

a) Rà soát, thống kê, đánh giá về tình hình quản lý và sử dụng tủ sách pháp luật; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành có liên quan tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

b) Xây dựng, đóng mới tủ sách pháp luật đối với những nhà văn hóa thôn, phố chưa có tủ sách pháp luật và cải tạo lại tủ sách pháp luật đã có của nhà văn hóa thôn, phố theo mẫu thống nhất chung. Hỗ trợ trang bị đầu sách pháp luật cho tủ sách pháp luật các xã, phường, thị trấn; thực hiện luân chuyển đầu sách pháp luật đối với tủ sách pháp luật tại các nhà văn hóa thôn, xóm, phố.

Thực hiện Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật, trong đó quy định hằng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể mức chi cho mỗi Tủ sách pháp luật cấp xã, nhưng với định mức tối thiểu là 02 triệu đồng/năm, tuy nhiên hiện nay trên địa bàn tỉnh do ngân sách cấp xã còn gặp nhiều khó khăn nên việc đầu tư kinh phí cho tủ sách pháp luật chưa thực hiện được. Do vậy cần phải có sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho hoạt động này.

Toàn tỉnh hiện có 115 tủ sách pháp luật/1676 thôn, phố, trong thời gian tới tiếp tục xây dựng tủ sách pháp luật tại các thôn, phố và thực hiện việc luân chuyển các đầu sách pháp luật đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của nhân dân

#### **6. Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ pháp luật trên địa bàn**

a) Thành lập mới câu lạc bộ pháp luật ở các xã, phường, thị trấn chưa thành lập và một số câu lạc bộ pháp luật theo lĩnh vực ngành để tổ chức cho các thành viên tham gia được nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật theo ngành, lĩnh vực hoạt động được kịp thời.

b) Kiện toàn, củng cố những câu lạc bộ pháp luật đã có và thực hiện hỗ trợ các câu lạc bộ pháp luật hoạt động thông qua hình thức hỗ trợ tài liệu, văn bản pháp luật, báo cáo viên pháp luật.

Toàn tỉnh hiện có 540 câu lạc bộ pháp luật, tuy nhiên hiệu quả hoạt động còn hạn chế, do vậy cần hỗ trợ thêm kinh phí cho hoạt động này có hiệu quả.

#### **7. Kiện toàn và củng cố tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở**

a) Thực hiện rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức quản lý công tác hòa giải ở cơ sở; kiện toàn tổ chức, bộ máy và hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật để đáp ứng kịp thời nhu cầu hòa giải của nhân dân.

b) Tổ chức bồi dưỡng tập huấn nâng cao trình độ pháp luật, kỹ năng hoạt động của hòa giải viên; hỗ trợ tài liệu pháp luật cho hòa giải viên để thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 1.733 tổ hòa giải với 10.783 hòa giải viên, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định UBND cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, cung cấp tài liệu và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, tuy nhiên thời gian qua do khó khăn về kinh phí nên công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở

chưa được chú trọng thực hiện. Do vậy thời gian tới cần phải có sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho hoạt động này.

### **8. Công tác chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở**

Khảo sát đánh giá tình hình, xây dựng mô hình điểm về chuẩn tiếp cận để nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh; hướng dẫn thực hiện các quy định về xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ khác về chuẩn tiếp cận pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Việc đánh giá thực trạng tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở để có giải pháp thúc đẩy, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc triển khai các thiết chế tiếp cận pháp luật, bảo đảm điều kiện đáp ứng nhu cầu nâng cao nhận thức pháp luật, thực hiện, bảo vệ và phát huy quyền và lợi ích hợp pháp của công dân ngay tại cơ sở; phát huy vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ mới theo quy định tại Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, vì thế cần phải có kinh phí để tổ chức triển khai hoạt động này.

### **9. Khảo sát, thăm dò dư luận về công tác PBGDPL**

Tổ chức các cuộc khảo sát, thăm dò dư luận xã hội để thu thập thông tin phản hồi của cán bộ, nhân dân về hiệu quả thực thi pháp luật; nhu cầu, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

## **III. Giải pháp chủ yếu để thực hiện Đề án**

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, qua đó làm cho mỗi cấp, mỗi ngành và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân hiểu rõ vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng và hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương để nêu cao vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và thực hiện những hoạt động (nhiệm vụ) của Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật nói riêng ở địa phương mình, ngành mình có hiệu quả.

2. Sử dụng các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn và điều kiện cụ thể của cơ quan, đơn vị trên cơ sở rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các hình thức tuyên truyền đã được sử dụng trong thời gian qua để sử dụng các hình thức phù hợp.

3. Đầu tư, đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đáp ứng yêu cầu cho việc thực hiện Đề án; lồng ghép việc thực hiện Đề án với các Chương trình đề án khác ở địa phương; huy động sự đóng góp tự nguyện của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác trong việc thực hiện tuyên truyền pháp luật cho các đối tượng của đề án.

4. Thực hiện kịp thời cơ chế, chính sách khuyến khích, động viên, khen thưởng những tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả những hoạt động của Đề án nói riêng. Đồng thời, nghiêm khắc chấn chỉnh, xử lý kịp thời đối với tổ chức, cá nhân thực hiện kém hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và những hoạt động của Đề án nói riêng.

5. Nêu cao tính chấp hành kỷ luật của tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và thực hiện những hoạt động của Đề án nói riêng.

6. Có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa cấp với ngành, ngành với ngành trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Đề án.

7. Nêu cao vai trò trách nhiệm của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp, của đội ngũ Báo cáo viên pháp luật, Tuyên truyền viên pháp luật, Hòa giải viên cơ sở.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ trực tiếp chủ trì thực hiện Đề án và phối hợp thực hiện Đề án để chấn chỉnh, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

9. Tiến hành sơ kết, tổng kết theo chuyên đề liên quan đến nội dung hoạt động của Đề án kết hợp với kết quả học tập, nghiên cứu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của các tỉnh, thành phố làm tốt để đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và đổi mới hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

#### **IV. Kinh phí thực hiện Đề án**

1. Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí trong kế hoạch chi ngân sách hằng năm của tỉnh, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và huy động từ nguồn kinh phí hỗ trợ hợp pháp khác.

2. Tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh để thực hiện Đề án trong 05 năm là: **13.410.050.000 đồng** (mười ba tỷ bốn trăm mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Năm 2016 hỗ trợ : 2.734.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng);

- Năm 2017 hỗ trợ : 2.647.350.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);

- Năm 2018 hỗ trợ : 2.647.350.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);

- Năm 2019 hỗ trợ: 2.734.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng);

- Năm 2020 hỗ trợ: 2.647.350.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);

Kinh phí chi hỗ trợ hằng năm thực hiện các nội dung sau :

a) Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án cho Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, các ngành thành viên của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và các cơ quan, đơn vị thực hiện các hoạt động:

- Hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh 54.600.000 đồng/năm ( Năm mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng/năm)

- Hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện PBGDPL (tập huấn, trang bị tài liệu pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, xây dựng đề cương tuyên truyền pháp luật...): 367.750.000 đồng/năm ( Ba trăm sáu bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng/năm)

- Thực hiện một số nội dung, hình thức PBGDPL (thi tìm hiểu pháp luật, ngày pháp luật nước CHXHCN Việt Nam, chuẩn tiếp cận pháp luật ở cơ sở...): 335.000.000đồng/năm (Ba trăm ba năm triệu đồng chẵn/năm); năm 2016, 2019: 421.650.000đồng/năm (Bốn trăm hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng/năm)

- Hỗ trợ các ngành thành viên của Hội đồng phối hợp tỉnh: 540.000.000đồng/năm (năm trăm bốn mươi triệu đồng/năm), trong đó:

+ Hỗ trợ 11 cơ quan, đơn vị thực hiện các chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật của Trung ương (Thanh tra tỉnh; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hội Nông dân tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh): 220.000.000đồng/năm (Hai trăm hai mươi triệu đồng/năm);

+ Hỗ trợ 16 ngành thành viên khác của Hội đồng phối hợp tỉnh: 160.000.000đồng/năm (Một trăm sáu mươi triệu đồng);

b) Hỗ trợ thực hiện Đề án ở cấp huyện: 640.000.000 đồng/năm/08 huyện, thành phố. Mỗi huyện, thành phố: 80.000.000đồng/năm (Tám mươi triệu đồng/năm), gồm các hoạt động:

+ Hoạt động của Hội đồng phối hợp cấp huyện;

+ Hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật;

+ Hội nghị tuyên truyền triển khai văn bản pháp luật mới;

+ Thi tìm hiểu pháp luật;

+ Thực hiện các hình thức khác về phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Hỗ trợ thực hiện Đề án ở cấp xã: 870.000.000đồng/năm/145 xã, phường, thị trấn. Mỗi xã, phường, thị trấn: 6.000.000đồng/năm để triển khai thực hiện các hình thức PBGDPL tại cơ sở.

3. Căn cứ vào nội dung hoạt động của Đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương được hỗ trợ kinh phí từ Đề án lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí; thực hiện quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

### **Phần III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

### **I. Lộ trình thực hiện Đề án**

1. Từ tháng 01/2016 đến hết năm 2020: Xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện Đề án hằng năm và tổ chức thực hiện những nội dung của kế hoạch sau khi được ban hành.

2. Tiến hành sơ kết thực hiện Đề án vào tháng 6/2018.
3. Tổng kết thực hiện Đề án vào quý I/2021.

## **II. Trách nhiệm của các cấp, các ngành**

### **1. Hội đồng phối hợp cấp tỉnh, cấp huyện**

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành và triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp: Tổ chức sơ kết hàng năm, sơ kết theo giai đoạn và tổng kết thực hiện Đề án; khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những đơn vị thực hiện Đề án kém hiệu quả.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp giao.

### **2. Sở Tư pháp**

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng phối hợp tỉnh triển khai tổ chức thực hiện Đề án và đôn đốc, kiểm tra các cấp, các ngành, các tổ chức khác ở địa phương có liên quan triển khai tổ chức thực hiện Đề án; tổng hợp, báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Đề án để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện.

b) Tham mưu, giúp UBND tỉnh xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm để thực hiện những mục tiêu, hoạt động của Đề án; đề xuất Hội đồng phối hợp tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, các tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm của UBND tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện những hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp tỉnh, của Sở Tư pháp quy định tại Điểm a khoản 1; khoản 2, khoản 3; Điểm a, điểm c khoản 5 và khoản 7,8,9 mục II, Phần II của Đề án này.

d) Phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện các nhiệm vụ khác trong Đề án.

đ) Phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn về bố trí cán bộ làm công tác pháp chế tại mỗi cơ quan, đơn vị để làm đầu mối thực hiện Đề án ở cơ quan, đơn vị mình.

### **3. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh bố trí, phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương được hỗ trợ kinh phí từ Đề án.

b) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp cho các cấp, các ngành để thực hiện Đề án bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.

c) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí huy động ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của Đề án.

d) Rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật.

#### **4. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đoàn thể của tỉnh**

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Sở, ngành, đoàn thể của tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm và chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện những hoạt động của Đề án liên quan đến ngành, lĩnh vực mình quản lý. Bố trí kinh phí từ nguồn chi thường xuyên cấp cho các Sở, ngành, tổ chức đoàn thể cùng với nguồn kinh phí hỗ trợ từ Đề án (đối với các đơn vị được thụ hưởng) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Đề án.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Phối hợp tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo định kỳ hoặc đột xuất về kết quả triển khai thực hiện Đề án ở ngành, lĩnh vực mình.

#### **5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

a) Căn cứ vào mục tiêu của Đề án, hoạt động của Đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm của UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xây dựng và ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm để tổ chức thực hiện; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp xã, các phòng ban, chuyên môn ở địa phương triển khai tổ chức thực hiện Đề án và các kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật do UBND cấp tỉnh, cấp huyện ban hành. Bố trí kinh phí của địa phương cùng với nguồn kinh phí hỗ trợ từ Đề án để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Đề án.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Phối hợp tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo định kỳ hoặc đột xuất về kết quả triển khai thực hiện Đề án ở địa phương mình.

#### **6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn**

a) Căn cứ vào mục tiêu của Đề án, hoạt động của Đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm của UBND cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm tại địa phương; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý ở địa phương triển khai tổ chức thực hiện Đề án và các kế hoạch do UBND cấp huyện và UBND cấp xã ban hành. Bố trí kinh của địa phương cùng với nguồn kinh phí hỗ trợ từ Đề án để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Đề án.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hội đồng phối hợp cấp huyện (qua Phòng Tư pháp) theo định kỳ hoặc đột xuất về kết quả triển khai thực hiện Đề án ở địa phương mình.

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Đề án, nếu có khó khăn, vướng mắc, bất cập, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VP5, VP7.

PH.01/ĐA

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Dung**